

Bản án số: 90/2023/HSST
Ngày 07-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Thẩm phán: Ông Trần Minh Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Từ Văn Hoàng

Ông Trần Quốc Thái

Ông Trần Văn Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Khuất Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 07 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2023/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1980 tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N (đã chết); con bà: Bùi Thị T, sinh năm 1952; Vợ: Đỗ Thị P, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam kể từ ngày 20/7/2018 đến ngày 10/10/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 03/11/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

2. Phạm Hải Đ, sinh năm 1985 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Buôn

bán; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Phạm Văn M, sinh năm 1952; con bà: Cao Thị T1, sinh năm 1960; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo phật; Quốc tịch: Việt Nam; là con duy nhất trong gia đình; Vợ: Trần Thị T2, sinh năm 1985; có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam kể từ ngày 20/7/2018, đến ngày 13/3/2019 được thay thế biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 15/10/2019, Phạm Hải Đ đi chấp hành án theo quyết định thi hành án phạt tù số 142/QĐ-CA ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ đến ngày 08/01/2021 được trả tự do theo Quyết định số 82/QĐ ngày 08/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 03/11/2021 tại Trại tạm giam Công an tỉnh B (có mặt).

3. Mạch Đình K, sinh năm 1993 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; con ông: Mạch Đình K1, sinh năm 1960; con bà: Nguyễn Thị M1, sinh năm 1967; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; là con thứ hai trong gia đình có 04 người con; Vợ, con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 19/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xử phạt 2 năm 6 tháng tù giam về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Ngày 22/4/2019, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức ra Quyết định thi hành án phạt tù số 31/2019/QĐ-CA đối với Mạch Đình K theo quy định.

Ngày 10/5/2019, Công an huyện C tiếp nhận Mạch Đình K đi chấp hành án phạt tù thời hạn 02 năm 6 tháng tù giam theo bản án số 26/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức.

Đến ngày 08/01/2021 được trả tự do theo Quyết định số 81/QĐ của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 17/7/2023 tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh Yên Bái (có mặt).

4. Huỳnh Trí T3, sinh năm 1971 tại tỉnh Bình Định; nơi cư trú: Khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông: Huỳnh Á, sinh năm 1948; con bà: Nguyễn Thị N1, sinh năm 1952; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; là con thứ nhất trong gia đình có 06 người con; Vợ: Lê Hồng M2, sinh năm 1974.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

* *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Mạnh H và Phạm Hải Đ: Luật sư Đặng Văn Q – Công ty TNHH L3 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B (có mặt).*

* *Bị hại:*

1. Ông Nguyễn Thanh T4, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ I, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1981; Trú tại: Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

3. Ông Trịnh Vỹ L, sinh năm 1979; Trú tại: Tổ H, khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1990; Trú tại: khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

5. Ông Trần Mạnh H2, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

6. Ông Đinh Văn H3, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ I, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

7. Ông Mai Văn P1, sinh năm 1966; Trú tại: Tổ E, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

8. Bà Phan Thị Thanh T5, sinh năm 1985; Trú tại: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H4, sinh năm 1964; Trú tại: F N, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Mạnh T6, sinh năm 1982; Trú tại: H N, khu phố N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

3. Công ty T11; Trú tại: C P, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Bà Bùi Lê Ngọc C (vắng mặt).

4. Ông Ngô Khánh H5, sinh năm 1991; Trú tại: C P, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

5. Ông Phùng Minh T7, sinh năm 1964; Trú tại: H N, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

6. Ông Nguyễn Xuân K2, sinh năm 1975; Trú tại: Tổ H, khu phố Q, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

7. Ông Võ Xuân H6, sinh năm 1983; Trú tại: khu phố V, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

8. Ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1987; Trú tại: E H, khu P, phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

9. Ông Nguyễn Hữu T8, sinh năm 1971; Trú tại: E T, phường E, thành phố V (vắng mặt).

10. Ông Nguyễn Hy Đ3, sinh năm 1992; Trú tại: Ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

11. Ông Nguyễn Anh T9, sinh năm 1974; Trú tại: Khu phố H, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

12. Ông Bùi Quang S, sinh năm 1958; Trú tại: Khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

13. Ông Phan Văn T10, sinh năm 1982; Trú tại: Ấp E, phường H, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

14. Ông Phan Hòa B, sinh năm 1969; Trú tại: 4 B, phường E, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

15. Ông Nguyễn Tấn L1, sinh năm 1991; Trú tại: 2 L, phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ cùng kinh doanh dịch vụ vận tải bằng cách thuê xe ô tô rồi cho thuê lại với giá cao hơn để hưởng chênh lệch. Do làm ăn kinh doanh thua lỗ nên từ tháng 11/2017 đến tháng 7/2018, H, Đ lần lượt thuê 18 xe ô tô các loại (có tổng giá trị theo định giá 8.625.470.000 đồng) của 13 cá nhân và 2 doanh nghiệp. H và Đ thông qua mạng xã hội Zalo, F để thuê Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 và một đối tượng tên L2 ở Đồng Nai (không rõ lai lịch) làm giả 05 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 13 tài liệu giả là các Giấy xác nhận của các ngân hàng, Giấy hẹn của Phòng CSGT Công an thành phố H và Bản sao công chứng có chữ ký và dấu đỏ của cơ quan, tổ chức, thay đổi tên chủ xe thành Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ, Nguyễn Anh T9. Sau đó, H, Đ đem xe ô tô và giấy tờ giả thế chấp chiếm đoạt tiền nhiều người trên địa bàn thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (viết tắt là tỉnh BR – VT). Cụ thể như sau:

1. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Nguyễn Thanh T4: Trong khoảng từ tháng 4/2018 đến tháng 6/2018, Phạm Hải Đ và Nguyễn Mạnh H thuê 05 chiếc ô tô. Sau đó, **H** và Đ làm giả giấy tờ xe đem đến thế chấp cho ông Nguyễn Thanh T4, chiếm đoạt tổng số tiền 870.000.000 đồng gồm:

* Đ và H thuê xe Inova biển số 72A-176.59 của ông Nguyễn Văn H4 (trú tại F N, khu phố Q, phường P, thị xã P) rồi làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 016228 mang tên Nguyễn Anh T9 do Công an tỉnh B-VT cấp ngày 25/02/2014 đem đến thế chấp cho ông T4 lấy 170.000.000 đồng.

* Đ và H thuê xe ô tô Chevrolet Cruze biển số 72A-218.55, chủ xe là Nguyễn Mạnh T6 (trú tại H N, khu phố N, phường P, thị xã P) rồi làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 023376 mang tên Nguyễn Mạnh H do Công an tỉnh BR-VT cấp ngày 18/5/2017 đem đi thế chấp cho ông T4 lấy 240.000.000 đồng.

* Thuê 01 xe ô tô hiệu Kia biển số 72A-060.61 chủ xe là Công ty T11 (địa chỉ là C P, phường P, thị xã P) sau đó Đ và H làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006574 mang tên Nguyễn Mạnh H đóng dấu Phòng G chi nhánh V1 của Ngân hàng TMCP Q1 ngày 06/6/2018 đem đến thế chấp cho ông T4 lấy 180.000.000 đồng.

* Thuê 01 xe ô tô hiệu Honda City biển số 51G-485.86 và xe Hyundai I10 biển số 51G-524.00 của ông Ngô Khánh H5 (trú tại C P, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh). Sau khi thuê được xe, Đ và H5 làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 302209 mang tên Nguyễn Anh T9 đóng dấu Ngân hàng TMCP Đ5 chi nhánh S1 xác nhận ngày 05/4/2018 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 335118 mang tên Nguyễn Anh T9 đóng dấu Phòng G1 chi nhánh Q2 Ngân hàng TMCP Q1 ngày 05/4/2018 rồi thế chấp cho ông T4 lấy tổng số tiền 280.000.000 đồng.

2. Lừa đảo chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn Đ1: Trong khoảng từ ngày 02/6/2018 đến ngày 16/7/2018, Phạm Hải Đ và Nguyễn Mạnh H cũng dùng thủ đoạn trên để thuê 06 chiếc ô tô, sau đó H và Đ làm giả giấy tờ xe đem đến thế chấp cho ông Nguyễn Văn Đ1, trú tại Ấp A, xã H, huyện N, Đồng Nai để chiếm đoạt số tiền 890.000.000 đồng gồm:

* Thuê xe ô tô hiệu Chevelot Capital biển số 72L-2775 của ông Phùng Minh T7 (trú tại H N, phường P, thị xã P) rồi H, Đ làm giả Giấy chứng nhận đăng ký 001516 mang tên là Nguyễn Mạnh H đóng dấu Phòng G chi nhánh V1 Ngân hàng TMCP Q1 ngày 02/5/2018 thế chấp cho ông Đ1 lấy 150 triệu đồng.

* Thuê xe ô tô hiệu Gentra biển số 72L-4161 của ông Nguyễn Xuân K3 trú tại tổ H, khu phố Q, phường P, thị xã P rồi H, Đ làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 003520 mang tên Nguyễn Mạnh H đóng dấu Phòng G Chi nhánh V1 Ngân hàng TMCP Q1 ngày 05/3/2018 đem đến thế chấp cho ông Đ1 lấy 70.000.000 đồng.

* Thuê xe ô tô Chevelot Aveo biển số 72A-219.43 của ông Võ Xuân H6 (trú tại khu phố V, phường P, thị xã P) sau đó làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe số 024297 mang tên Nguyễn Anh T9 đóng dấu Ngân hàng TMCP Q3 chi nhánh V1 ngày 04/7/2017 đem đến thế chấp cho ông Đ1 lấy 100.000.000 đồng.

* Thuê xe ô tô Toyota Hilux biển số 72C-101.07 của ông Trần Văn Đ2 (trú tại E H, khu P phường H, TP V) rồi làm giả Giấy biên nhận thế chấp số 46/2018 ngày 23/4/2018 mang tên là Phạm Hải Đ đóng dấu Ngân hàng TMCP S2 chi nhánh V1 đem đến thế chấp cho ông Đ1 lấy 220.000.000 đồng.

* Ngày 08/01/2017, ông Phạm Đình V - Giám đốc công ty TMCP V2 cầm 01 chiếc xe ô tô hiệu Toyota Inova biển số 72A-038.45 cùng giấy tờ xe cho ông Trịnh Vỹ L (trú tại tổ H, khu phố V, phường P, T Mỹ) với giá 200.000.000 đồng trong vòng 01 tháng. Sau khi cầm cố xe của Công ty V2, ông L cho H thuê lại chiếc Inova trên. H tiếp tục dùng thủ đoạn làm làm giả Giấy biên nhận thế chấp số 02/2017/BNTC ngày 17/10/2017 kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 302141 số 002588 mang tên Phạm Hải Đ đóng dấu Ngân hàng TMCP X chi nhánh V1 đem thế chấp cho ông Đ1 lấy 200.000.000 đồng.

* Thuê xe ô tô hiệu Toyota Innova biển số 72A-040.75 của chủ xe là ông Nguyễn Hữu T8 (trú tại E T, phường E, thành phố V) rồi H và Đ làm giả Giấy biên nhận thế chấp số 01/2017/BNTC ngày 17/10/2017 kèm theo bản sao Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 002588 mang tên Phạm Hải Đ đóng dấu Ngân hàng TMCP X chi nhánh V1 thế chấp cho ông Đ1 lấy 150 triệu đồng.

3. Lừa đảo chiếm đoạt của ông Trịnh Vũ L: Ngày 07/7/2018, H, Đ thuê chiếc xe ô tô hiệu Vios biển số 72A.223.42 của chủ xe Nguyễn Hy Đ3 (trú tại ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh BR-VT) rồi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025611 mang tên Nguyễn Mạnh H đóng dấu Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh H7 ngày 05/6/2018 cầm vay ông Trịnh Vũ L thế chấp cho ông Lê I 150 triệu đồng.

4. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Mai Văn P1: Ngày 04/11/2017, H và Đ thuê chiếc xe ô tô hiệu Chevelot biển số 72A-233.74 của ông Nguyễn Anh T9 (trú tại khu phố H, phường P, thị xã P) rồi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 027399 mang tên Phạm Hải Đ và Giấy kiểm định xe đóng dấu Ngân hàng TMCP Q1 chi nhánh V1 ngày 02/5/2018 thế chấp cho ông P1 lấy 170 triệu đồng.

5. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Văn H1: Ngày 02/3/2018, H, Đ thuê chiếc xe ô tô hiệu Chevelot biển số 72A-219.43 của ông Võ Xuân H6 (trú tại khu phố V, phường P, thị xã P) rồi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 025611 mang tên Nguyễn Mạnh H đóng dấu Ngân hàng TMCP Q3 chi nhánh V1 ngày 04/7/2017 thế chấp cho ông H1 lấy 60.000.000 đồng.

6. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Trần Mạnh H2: Ngày 02/4/2018, H, Đ thuê chiếc xe ô tô hiệu Inova biển số 72A-235.88 của ông Bùi Quang S (trú tại khu phố T, phường P, thị xã P) rồi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031251 mang tên Phạm Hải Đ do Công an tỉnh B-VT cấp ngày 02/4/2018 đem đến thế chấp cho ông H2 lấy 300.000.000 đồng.

7. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của ông Đinh Văn H3: Khoảng cuối tháng 6/2018, H, Đ thuê chiếc xe ô tô hiệu Kia Cerato biển số 51F-715.45 của ông Nguyễn Tấn L1 (trú tại 2 L, phường I, quận G, thành phố Hồ Chí Minh) rồi làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang tên Nguyễn Mạnh H đem đến thế chấp cho ông H3 lấy 120.000.000 đồng.

8. Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Phan Thị Thanh T5: Vào khoảng tháng 4/2018, H thuê hai chiếc xe ô tô hiệu Mitsubishi Pajero biển số 72A-214.19 của ông Phan Văn T10 (trú tại ấp E, phường H, thị xã P và xe ô tô hiệu Inova biển số 72A-021.43 của ông Phan Hòa B trú tại 4 B, phường E, thành phố V). Sau khi thuê được xe, H, Đ làm giả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 008665 do Phòng CSGT Công an tỉnh B cấp ngày 03/11/2014 và Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 024481 do Phòng CSGT Công an tỉnh B cấp ngày 28/6/2017 đều mang tên là Nguyễn Mạnh H rồi đem đến thế chấp cho chị T5 lấy tổng số tiền 380.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, H và Đ4 khai nhận để tạo lòng tin cho các bị hại tin tưởng là chủ sở hữu của các xe ô tô đem đi thế chấp, H và Đ thông qua mạng Facebook đã liên hệ với Mạch Đình K có nick name là Bùi Dương c số điện thoại 01218309475 để đặt Khoa làm 05 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho H và Đ. Mỗi lần cần làm giấy tờ Đ và H chụp hình các giấy tờ cần làm giả gửi qua Z cho K để làm giả các giấy tờ xe mang tên Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ, Nguyễn Anh T9 với giá 3.000.000 đồng/giấy. Sau khi lấy tiền, K không trực tiếp làm mà thuê một người có nickname Facebook tên “Ngọc D” (chưa rõ lai lịch)

làm với giá 2.000.000 đồng/giấy, K được hưởng lợi từ việc làm giả giấy tờ cho H và Đ là 1.000.000 đồng/giấy. Ngoài ra, Đ còn đặt một người tên L2 nhà ở huyện L, tỉnh Đồng Nai (chưa rõ lai lịch) làm giả 08 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô photo có xác nhận của ngân hàng; 01 giấy biên nhận của Phòng CSGT Công an thành phố H; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô có chứng thực của Phòng công chứng.

Đồng thời, cùng thời điểm này biết Huỳnh Trí T3 làm nghề photocopy nên Đ đã thuê T3 scan giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô (bản photo) có xác nhận của Ngân hàng, sau đó chỉnh sửa tên chủ sở hữu xe ô tô theo yêu cầu của Đ rồi in màu ra đưa cho Đ. T3 đã nhận làm các giấy tờ giả trên cho Đ khoảng 02-03 lần, mỗi lần scan chỉnh sửa Đ trả cho T3 20.000 đồng/lần.

*** Kết quả giám định:** Tại các Kết luận giám định số 681/PC09 ngày 11/10/2018, số 685/PC09 ngày 06/11/2018, số 704/PC09 ngày 23/11/2018, số 04/PC09 ngày 18/01/2019, số 16/PC09 ngày 23/01/2019 của Phòng K4 Công an tỉnh B đối với 05 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 13 tài liệu các loại là Giấy xác nhận của Ngân hàng, Giấy hẹn của Phòng CSGT, Bản sao công chứng có chữ ký và đóng dấu đỏ của cơ quan, tổ chức thu giữ trong quá trình điều tra xác định hình dấu tròn và chữ ký trên các tài liệu được làm giả bằng phương pháp in phun màu (bút lục 190 đến 195).

2. Quá trình giải quyết vụ án:

*** Giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm:**

- Ngày 16/7/2019, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm ra Bản án số 102/2019/HSST xử phạt Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ mỗi bị cáo 3 năm tù giam về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự; xử phạt Mạch Đình K 15 tháng tù giam; xử phạt Huỳnh Trí T3 1 năm tù cho hưởng án treo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

- Nguyễn Mạnh H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ông Trịnh Vỹ L là người có quyền và nghĩa vụ liên quan kháng cáo liên quan đến chiếc xe ô tô Honda Civic biển số 72N-8679 và Toyota Innova biển số 72A-038.45 cho Nguyễn Mạnh H thuê thu giữ trong quá trình điều tra nhưng chưa giải quyết.

- Ngày 29/10/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm ra Bản án số 164/2019/HSPT đình chỉ giải quyết về hình sự (do H rút đơn) và sửa phần dân sự giao trả chiếc xe Honda Civic biển số 72N-8679 và Toyota Innova biển số 72A-038.45 cho ông Trịnh Vỹ L.

- Phạm Hải Đ chấp hành án phạt tù tại Trại Tạm giam Công an tỉnh B từ ngày 15/10/2019 theo Quyết định thi hành án phạt tù số 142/2019/QĐ-CA ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, đến ngày 08/01/2021 được trả tự do theo Quyết định số 82/QĐ ngày 08/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Mạch Đình K chấp hành án phạt tù tại Trại Giam X1 từ ngày 01/11/2019 theo Quyết định thi hành án phạt tù số 143/2019/QĐ-CA ngày 21/8/2019 của

Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, đến ngày 08/01/2021 được trả tự do theo Quyết định số 81/QĐ ngày 08/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

- Huỳnh Trí T3 cũng đã thi hành án treo theo quy định; còn Nguyễn Mạnh H được hoãn thi hành án theo Quyết định số 01/2020/QĐ - TA ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ;

- Ông Trịnh Vũ L đã được giao trả chiếc xe Honda Civic biển số 72N-8679 và Toyota Innova biển số 72A-038.45 theo quy định.

*** Giai đoạn giám đốc thẩm:**

- Ngân hàng E Chi nhánh V1 có đơn khiếu nại Bản án phúc thẩm số 164/2019/HSPT xử trả xe Toyota Innova biển số 72A-038.45 cho ông Trịnh Vũ L là xe do công ty V2 thế chấp vay tín dụng đã ảnh hưởng đến quyền lợi của E.

- Ngày 30/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại TP Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 150/QĐ-VC3-V1 đề nghị hủy án để điều tra lại giải quyết quyền và nghĩa vụ của người liên quan và xem xét xử lý hành vi của các bị can H, Đ đem xe và tài liệu giả thế chấp vay tiền theo dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Ngày 17/8/2020, Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm đã ra Quyết định giám đốc thẩm số 29/2020/HS-GĐT tuyên hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 102/2019/HSST và Bản án phúc thẩm số 164/2019/HSPT để điều tra lại.

3. Phần Dân sự và việc giải quyết quyền, nghĩa vụ đối với ngân hàng E và ông Trịnh Vũ L trong vụ án:

- Ngày 23/12/2015, Công ty CP V2 và E ký 2 Hợp đồng tín dụng số 1083-LAV-201502204 vay vốn 3,5 tỷ đồng và Hợp đồng tín dụng số 1083-LAV-201502205 vay vốn 1,5 tỷ đồng. Để đảm bảo cho các khoản vay, công ty V2 đã thế chấp 14 xe ô tô, trong đó có chiếc xe Toyota Innova biển số 72A-038.45.

- Ngày 08/01/2017, ông Phạm Đình V là giám đốc công ty V2 đem chiếc xe Toyota Innova biển số 72A-038.45 cầm cố cho ông Trịnh Vũ L thời hạn 01 tháng từ 08/01/2017 đến 08/02/2017 với giá 200 triệu đồng. Do ông V không chuộc xe, để quá hạn kéo dài nên ngày 10/7/2017, ông L đã cho Nguyễn Mạnh H thuê chiếc xe theo ngày với giá 800 ngàn đồng/ngày mà không ký hợp đồng. Sau đó, H làm giả giấy tờ và đem chiếc xe thế chấp vay ông Nguyễn Văn Đ1 số tiền 200 triệu đồng như đã nêu ở trên. Ngoài ra, ông L cũng cho bị can H thuê chiếc xe Honda Civic biển số 72N-8679 cũng với giá 800.000 đồng/ngày.

- Do Công ty V2 không trả nợ vay nên E khởi kiện và được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử ra Bản án kinh doanh thương mại số 02/2019/KDTM ngày 07/3/2019 tuyên xử E có quyền phát mãi tài sản thế chấp trong đó chiếc xe Toyota Innova biển số 72A-038.45 để thu hồi nợ.

- Quá trình điều tra lại, Cơ quan điều tra đã thu hồi chiếc xe Toyota Innova biển số 72A-038.45 từ ông Trịnh Vũ L để giao cho Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu để thi hành Bản án kinh doanh thương mại số 02/2019/KDTM ngày 07/3/2019. Như vậy, phần dân sự liên quan đến quyền và

nghĩa vụ của E đối với chiếc xe Toyota Innova biển số 72A-038.45 trong vụ án này đã được giải quyết xong. Bị can H, Đ đã trả lại toàn bộ tài sản cho chủ sở hữu, các bị hại có đơn bãi nại cho H và Đ.

Quá trình điều tra, Phạm Hải Đ và Nguyễn Mạnh H, Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng trong vụ án:

- Quá trình điều tra thu giữ 05 (năm) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023376, 008665, 024481, 031251, 016228 ; 11 (mười một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô phô tô có xác nhận của Ngân hàng số 003520, 006574, 335118, 302209, 001516, 024297, 025611, 302141, 002588, 46/2018, 012858; 01 (một) giấy hẹn của Phòng CSGT ĐB-ĐS Công an TP Hồ Chí Minh xe ô tô biển số 51F- 856.18; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô phô tô có chứng thực của phòng C1 Sở tư pháp tỉnh BR-VT số 022602. Các giấy tờ trên đứng tên chủ xe Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ và Nguyễn Anh T9 sau khi giám định là giả đã chuyển theo hồ sơ vụ án (bút lục 729 đến 746).

- Quá trình điều tra thu giữ 19 xe ô tô các loại có biển số: 51G- 535.90, 72A-176.59, 72L- 2775, 72L- 4161, 72A-060.61, 72A-235.88, 51F- 715.45, 72A- 214.19, 72A- 219.43, 72A- 223.42, 72A- 233.74, 72A- 038.45, 72C- 101.07, 72A- 040.75, 72A- 021.43, 51G- 485.86, 51G- 524.00, 51F- 856.18, 72N-8679. Cơ quan điều tra đã xác minh làm rõ nguồn gốc, xử lý trả lại cho chủ xe 17 chiếc theo quy định.

Đối với xe ô tô biển số 72A- 038.45 đã chuyển cho Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý chờ xử lý.

Đối với xe ô tô hiệu Civic biển số 72N-8679 tại bản án xét xử sơ thẩm Tòa án đã tuyên trả cho ông Trịnh Vỹ L và ông L đã bán cho người không rõ lai lịch nên chưa thu hồi được.

Quá trình điều tra thu giữ 01 (một) điện thoại di động Nokia N1280 của Nguyễn Mạnh H; 01 (một) điện thoại di động Xiaomi MI của Phạm Hải Đ; 08 (tám) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe ô tô số: 0068119, 0068120, 0185741, 0131766, 0068082, 0185745, 0020417, 0014278; 03 (ba) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số: 5027351, 5524764, 5244485; 01 (một) Sổ hộ khẩu bản copy số 020093213 chủ hộ Bùi Thị T; 01 (một) giấy CMND không rõ số mang tên Nguyễn Mạnh H; 01 (một) giấy CMND số 273064463 mang tên Nguyễn Mạnh H. Đã chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý.

Bản cáo trạng số 68/CT-VKSBRVT-P2 ngày 01-8-2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã truy tố bị cáo Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ về các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 341 và khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; bị cáo Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ về các tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”;

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt các bị cáo **Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ** từ 3 đến 4 năm tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ** từ 13 đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt chung của hai tội đối với bị cáo **Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ**.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Mạch Đình K** từ 24 đến 30 tháng tù. Tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án số 26/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thành hình phạt chung. Buộc bị cáo **Mạch Đình K** phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Huỳnh Trí T3** từ 24 đến 30 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo H, Đ đã trả lại toàn bộ tài sản chiếm đoạt cho chủ sở hữu. Các bị hại có đơn bãi nại cho H và Đ nên không xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định.

- Luật sư Đặng Văn Q phát biểu bào chữa cho bị cáo H và Đ: Luật sư đồng ý với tội danh và điều luật truy tố các bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét động cơ mục đích phạm tội của các bị cáo là lấy tiền để trả tiền thuê xe chứ không chiếm đoạt tiêu xái cá nhân; Đối với bị hại T4 và T5, các bị cáo đã khắc phục hậu quả, trả lại tiền trước khi khởi tố vụ án; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại, khắc phục hậu quả vụ án. Đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

- Các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, không bào chữa bổ sung. Lời nói sau cùng, các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được, kết luận giám định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở kết luận:

Từ tháng 11/2017 đến tháng 7/2018, Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ kinh doanh dịch vụ vận tải tại thị xã P tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bằng cách thuê xe của người này rồi cho người khác thuê lại với giá cao hơn để hưởng chênh lệch. Do kinh doanh thua lỗ nên H và Đ đã có hành vi thuê 18 xe ô tô của 13 cá nhân và 2 doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh rồi thuê Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 và một đối tượng tên L2 ở Đồng Nai (không rõ lai lịch, địa chỉ) làm giả giấy tờ, thay đổi tên chủ xe thành Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ, Nguyễn Anh T9 gồm 5 (năm) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, 13 (mười ba) tài liệu giả các loại là Giấy xác nhận của các ngân hàng, Giấy hẹn của Phòng C2 và Bản sao công chứng có chữ ký và đóng dấu đỏ của cơ quan, tổ chức. Sau đó, H, Đ đem giấy tờ giả và xe ô tô thuê được đem đi thế chấp để chiếm đoạt số tiền 2.940.000.000 đồng của 8 bị hại trên địa bàn P. Trong đó, chiếm đoạt của ông Mai Văn P1 170.000.000 đồng; của ông Trần Văn H1 60.000.000 đồng; của ông Trần Mạnh H2 300.000.000 đồng; của ông Đinh Văn H3 120.000.000 đồng; của ông Nguyễn Văn Đ1 890.000.000 đồng; ông Trịnh Vỹ L 150.000.000 đồng; ông Nguyễn Thanh T4 870.000.000 đồng; bà Phan Thị Thanh T5 380.000.000 đồng.

Trước khi chiếm đoạt tiền của các bị hại nêu trên thì H và Đ thuê Mạch Đình K làm giả 5 tài liệu giá 15.000.000 đồng. K thu lợi **5.000.000 đồng**; thuê Huỳnh Trí T3 làm giả 3 tài liệu giá khoảng 60.000 đồng và thuê đối tượng L2 (chưa rõ lai lịch) làm giả 10 tài liệu. Sau đó, H và Đ sử dụng các tài liệu giả này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của các bị hại.

Do vậy, hành vi các bị cáo Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ thực hiện đã phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 341 và điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật hình sự; các bị cáo Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo gây ra là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động, uy tín của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực

quản lý hành chính cơ quan nhà nước về con dấu, tài liệu; gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo là người trưởng thành, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đảm bảo tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm, không có sự câu kết chặt chẽ nên thuộc trường hợp đồng phạm. Bị cáo Nguyễn Mạnh H và Phạm Hải Đ là người khởi xướng, là người thực hành tích cực, trực tiếp thực hiện việc dùng giấy tờ giả để chiếm đoạt tiền của các bị hại, thực hiện nhiều lần, số tiền chiếm đoạt lớn nên cần xử lý nghiêm khắc. Bị cáo Mạch Đình K vì động cơ vụ lợi đã thực hiện hành vi làm giả giấy tờ tài liệu theo yêu cầu của H và Đ để hưởng lợi; trong thời gian chuẩn bị xét xử đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã vì phạm tội mới nên cũng cần xử lý nghiêm khắc để giáo dục bị cáo. Huỳnh Trí T3 đã thực hiện hành vi làm giả giấy tờ tài liệu theo yêu cầu của H và Đ để hưởng lợi nên cũng cần xử lý tương xứng để giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Tình tiết tăng nặng:

Các bị cáo Nguyễn Mạnh H; Phạm Hải Đ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhiều lần đối với nhiều bị hại nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ, Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 nhiều lần thực hiện hành vi làm giả giấy tờ, tài liệu. Tuy nhiên, số lượng tài liệu giả đã xem xét là tình tiết định khung hình phạt nên không xem xét là tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

[4.2] Tình tiết giảm nhẹ:

Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã cùng gia đình đã chuộc hết toàn bộ xe trả cho chủ xe và thanh toán trả tiền cho những người nhận cầm cố đồng thời được bị hại làm đơn xin bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo H có bố ruột là người có công với cách mạng; bị cáo Đ có mẹ ruột là người có nhiều thành tích trong công tác tại địa phương nên xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với 2 bị cáo.

Mạch Đình K thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tác động gia đình nộp lại số tiền thu lợi bất chính 5.000.000 đồng; gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi con còn nhỏ nên xem xét áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm hình phạt cho bị cáo.

Huỳnh Trí T3 nhân thân chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự thú về hành vi phạm tội trước đó, số tiền hưởng lợi không lớn (60.000 đồng); bản thân bị bệnh thường xuyên đau đầu, gan nhiễm mỡ, thoát vị đĩa đệm; bị cáo tham gia đồng phạm với vai trò không đáng kể trong vụ án nên xem xét áp dụng điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51,

khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt. Xét bị cáo có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo mà không ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo H, Đ đã trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho các bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho H và Đ, không có yêu cầu gì khác nên không xét.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng:

- Đối với 05 (năm) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023376, 008665, 024481, 031251, 016228 ; 11 (mười một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô phô tô có xác nhận của Ngân hàng số 003520, 006574, 335118, 302209, 001516, 024297, 025611, 302141, 002588, 46/2018, 012858; 01 (một) giấy hẹn của Phòng CSGT ĐB-ĐS Công an Thành phố Hồ Chí Minh xe ô tô biển số 51F-856.18; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô phô tô có chứng thực của phòng C1 Sở tư pháp tỉnh BR-VT số 022602. Các giấy tờ trên đứng tên chủ xe Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ và Nguyễn Anh T9 sau khi giám định là giả; cần tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với xe ô tô hiệu Civic biển số 72N-8679 tại bản án xét xử sơ thẩm Tòa án đã tuyên trả cho ông Trịnh Vỹ L và ông L đã bán cho người không rõ lai lịch nên chưa thu hồi được nên đề nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ.

- Đối với xe ô tô biển số 72A- 038.45 đã chuyển cho Cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quản lý chờ xử lý theo Bản án số Bản án kinh doanh thương mại số 02/2019/KDTM ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên không xử lý.

- 01 (một) điện thoại di động Nokia N1280 của Nguyễn Mạnh H; 01 (một) điện thoại di động Xiaomi MI của Phạm Hải Đ là phương tiện các bị cáo dùng để liên hệ khi thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước;

- Đối với 08 (tám) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số: 0068119, 0068120, 0185741, 0131766, 0068082, 0185745, 0020417, 0014278; 03 (ba) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số: 5027351, 5524764, 5244485 do hết thời hạn sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 (một) Sổ hộ khẩu bản copy số 020093213 chủ hộ Bùi Thị T; 01 (một) giấy CMND không rõ số mang tên Nguyễn Mạnh H do không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy;

- 01 (một) giấy CMND số 273064463 mang tên Nguyễn Mạnh H cần trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H.

- Số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Mạch Đình K nộp là số tiền K thu lợi bất chính từ việc làm giả tài liệu, giấy tờ nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

1.1. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt **Nguyễn Mạnh H** 12 (mười hai) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt **Nguyễn Mạnh H** 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc **Nguyễn Mạnh H** phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2021, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/7/2018 đến ngày 10/10/2018.

1.2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt **Phạm Hải Đ** 12 (mười hai) năm tù.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt **Phạm Hải Đ** 03 (ba) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp hình phạt của hai tội, buộc **Phạm Hải Đ** phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 03/11/2021, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 20/7/2018 đến ngày 13/3/2019 và thời gian chấp hành án từ ngày 15/10/2019 đến ngày 08/01/2021.

1.3. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Mạch Đình K** 02 (hai) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự; tổng hợp với hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại Bản án số 26/2019/HS-ST ngày 19/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Buộc bị cáo **Mạch Đình K** phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng.

Thời hạn tù tính từ ngày 17/7/2023, được khấu trừ thời gian chấp hành án kể từ ngày 10/5/2019 đến ngày 08/01/2021.

1.4. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54; Điều 58, Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo **Huỳnh Trí T3** 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm lần đầu (ngày 16/7/2019).

Giao bị cáo Huỳnh Trí T3 cho Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; nếu phạm tội mới trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật hình sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

- Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án: 05 (năm) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô giả số 023376, 008665, 024481, 031251, 016228 ; 11 (mười một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô phô tô có xác nhận của Ngân hàng số 003520, 006574, 335118, 302209, 001516, 024297, 025611, 302141, 002588, 46/2018, 012858; 01 (một) giấy hẹn của Phòng CSGT ĐB-ĐS Công an TP. Hồ Chí Minh xe ô tô biển số 51F- 856.18; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô phô tô có chứng thực của phòng C1 Sở tư pháp tỉnh BR-VT số 022602;

- Tịch thu tiêu huỷ: 08 (tám) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số: 0068119, 0068120, 0185741, 0131766, 0068082, 0185745, 0020417, 0014278; 03 (ba) Giấy chứng nhận kiểm định xe ô tô số: 5027351, 5524764, 5244485; 01 (một) Sổ hộ khẩu bản copy số 020093213 chủ hộ Bùi Thị T; 01 (một) giấy CMND không rõ số mang tên Nguyễn Mạnh H;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động Nokia N1280 của Nguyễn Mạnh H; 01 (một) điện thoại di động Xiaomi MI của Phạm Hải Đ.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Mạnh H: 01 (một) giấy CMND số 273064463 mang tên Nguyễn Mạnh H.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đang quản lý theo Biên bản giao nhận vật chứng số 63 ngày 03/5/2019).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.000.000 đồng của bị cáo Mạch Đình K, theo Biên lai thu tiền số TT/2016/0000056 ngày 11/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu).

3. Án phí:

Bị cáo Nguyễn Mạnh H, Phạm Hải Đ, Mạch Đình K, Huỳnh Trí T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt tại phiên toà thời hạn tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, để yêu cầu Toà án nhân dân Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trại tạm giam - Công an tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Bị cáo; người bào chữa; bị hại; người LQ;
- UBND phường P, TX. P;
- Lưu: Tòa Hình sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Phạm Trung Dũng